

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Vũ Song Hào.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số 229/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ninh Thị A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đường số X, phường Y, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà A có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện nộp ngày 05/6/2017, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - bà Ninh Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27; Quyền số 01 ngày 30/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống như chi tiêu và quản lý tài chính nên cả hai không tìm được tiếng nói chung nên làm ảnh hưởng đến tinh thần của con

chung. Mặc dù, bà và ông T đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến cuối năm năm 2015, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên bà và ông T đã sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà Ninh Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Trong quá trình chung sống, bà và ông Nguyễn Ngọc T có 01 con tên là Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/3/2011, hiện con chung đang do bà trực nuôi dưỡng nên bà A yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đồng thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại tất cả các buổi cung cấp lời khai, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không biết được ý kiến của ông Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, đề nghị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:.

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Ninh Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ninh Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/3/2011 cho bà Ninh Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ninh Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Bà Ninh Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Ngọc T hiện đang cư trú tại địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân Quận 2 có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 2 theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong tất cả những lần Tòa tổng đạt văn bản tố tụng kể từ khi vụ án được thụ lý vào ngày 14/6/2017, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt đã được tiếp cận, biết và nắm rõ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn vắng mặt nên không xuất trình các tài liệu chứng cứ nhưng các đương sự không có yêu cầu, khiếu nại gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được các bên đương sự giao nộp, tiếp cận, công khai theo quy định tại Điều 91; Điều 95; Điều 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn - bà Ninh Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27; Quyền số 01 ngày 30/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống như chi tiêu và quản lý tài chính nên cả hai không tìm được tiếng nói chung nên làm ảnh hưởng đến tinh thần của con chung. Mặc dù, bà và ông T đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến cuối năm năm 2015, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên bà và ông T đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần giải thích, động viên bà A rút đơn yêu cầu ly hôn để vợ chồng quay về đoàn tụ duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng bà A vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân từ năm 2015, cả hai không còn quan T tới cuộc sống của nhau và ông T cũng không có trách nhiệm với con chung. Trên cơ sở đó có đủ điều kiện xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Từ những nhận định và căn cứ nêu trên xét yêu cầu của bà Ninh Thị A xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ Giấy khai sinh số 41/2011, do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/2011 thì trẻ Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/3/2011 là con chung của bà Ninh Thị A và ông Nguyễn Ngọc T. Bà A có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay trẻ Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/3/2011 đang sinh sống ổn định cùng với bà Ninh Thị A đồng thời theo nguyện vọng của trẻ được ở cùng với mẹ vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Mặt khác, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà A xuất trình Giấy xác nhận lập ngày 20/12/2017 của Công ty Cổ phần tiếp vận Texhong Tân Cảng nơi bà đang làm việc với mức mức lương là 15.000.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập trên có cơ sở chứng minh bà A đủ điều kiện vật chất nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà A và giao Nguyễn Anh K cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các quy định của pháp luật. Đồng thời, ghi nhận việc bà Ninh Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đề nghị là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Ninh Thị A phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Ninh Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ninh Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/3/2011 cho bà Ninh Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ninh Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà A và ông T về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Ninh Thị A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0008163 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 14/6/2017. Bà A đã nộp đủ tiền án phí, ông T không phải chịu tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án dân sự Quận 2;
- UBND phường Y, Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung